

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HS-ST  
Ngày 09-4-2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Thụ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đinh Công Hoạt

Bà Trương Thị Hiền

**- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký  
Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:**  
Bà Hoàng Thị N - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2024/TLST-HS ngày  
11/3/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2024/QĐXXST-HS ngày  
27/3/2024 đối với các bị cáo:

**1. Họ và tên: Nguyễn Thị Trang N1;** Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không  
có; Sinh ngày: 10/4/1983 tại P, H, Tuyên Quang; Số Thẻ CCCD: 008183006179,  
do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH Bộ C1 cấp ngày 24/6/2021; Nơi thường trú:  
Khu C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;  
Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông:  
Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951; Nghề nghiệp: Hưu trí; Con bà: Phạm Thị H, sinh  
năm 1954; Nghề nghiệp: Hưu trí; Cùng trú tại: thôn C, xã P, huyện H, tỉnh Tuyên  
Quang; Anh chị em ruột: Bị cáo có 04 anh chị em, là con thứ 4 trong gia đình;  
Chồng: Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1982; Nghề nghiệp: Buôn bán; Chỗ ở hiện  
nay: Khu C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Bị cáo có 02 con, sinh năm 2004  
và năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt

Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**2. Họ và tên: Nông Thị N2;** Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 02/5/1992 tại xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Số thẻ CCCD: 004192000455 do Cục C2 về TTXH Bộ C1 cấp ngày 03/4/2021; Nơi thường trú: xóm B, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: Khu C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ văn hóa: 12/12; Là đảng viên Đ1 (ngày 15/3/2024 UBKT huyện ủy B1, tỉnh Cao Bằng quyết định đình chỉ sinh hoạt Đảng); Con ông: Nông Văn T (đã chết); Con bà: Nông Thị T1, sinh năm 1956; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trú tại: Đ, xã T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng; Anh chị em ruột: Bị cáo có 04 chị em, là con thứ ba trong gia đình; Chồng: Hoàng Văn B, sinh năm 1989; Con: có 01 con, sinh năm 2015;

Tiền án, tiền sự : Không; Nhân thân: Tốt

Bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/12/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

+ *Người bào chữa cho Nông Thị N2:* Ông Nông Văn D - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (Bào chữa theo quy định của pháp luật), có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 16 giờ 45 phút ngày 27/12/2023, Phòng C3 Công an tỉnh C phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Thị Trang N1 (sinh năm 1983, trú tại Khu C, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng) có hành vi nhận số lô, số đề trái phép qua điện thoại di động tại nhà riêng. Tiến hành kiểm tra điện thoại di động của Nguyễn Thị Trang N1 đã phát hiện nhiều tin nhắn nhận và chuyển số lô, số đề trái phép nên đã thu giữ theo quy định.

Quá trình điều tra xác định: Thông qua mối quan hệ xã hội, Nguyễn Thị Trang N1 quen biết với Nông Thị N2 (sinh năm 1992, trú tại xóm B, Y, B, Cao Bằng. Hiện đang tạm trú tại Khu C, thị trấn P, huyện B) và đã nhận số lô, số đề trái phép từ Na thông qua tin nhắn trên phần mềm ứng dụng Zalo có tên tài khoản “*Nana Nông*” với tài khoản “*Nguyễn Thị Trang N1*”. Cách thức cá cược là Na nhập các số lô, số đề vào tin nhắn trong ứng dụng Zalo cá nhân rồi chuyển vào tài khoản Z “*Nguyễn Thị Trang N1*”. Sau đó, căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền B mở thưởng hàng ngày để xem xét việc chi trả thưởng. Cụ thể, đối với số đề thì

đôi chiều các con số người chơi đã đặt cược nếu trùng vào 02 số cuối của giải đặc biệt thì sẽ trúng thưởng và tiền thưởng sẽ được gấp 70 lần số tiền đặt cược. Đối với số lô, nếu số lô đã đặt cược trùng với 02 số cuối của tất cả các giải của kết quả xổ số Miền Bắc thì được trúng thưởng và sẽ được trả 80.000 đồng/1 điểm lô và nếu số lô đã mua trùng với 02 số cuối của các giải được lặp lại nhiều lần thì được gọi là “nháy” và số lần lặp lại đó sẽ được nhân với 80.000đồng để chi trả thưởng. Đối với lô xiên (xiên 2- gồm 2 cặp số, xiên 3- gồm 3 cặp số, xiên 4...), cũng căn cứ vào 02 số cuối của các giải kết quả xổ số nhưng số tiền trả thưởng được tính gấp 10 lần, 30 lần hoặc 40 lần số tiền mua (nghĩa là đặt cược 10.000đ nếu trúng thưởng sẽ được 100.000đ đối với số lô xiên 2 và sẽ là 400.000đồng nếu trúng xiên 3...nếu các số đề đã đặt cược không trùng với 2 số cuối của giải đặc biệt và các số lô đặt cược không trùng với các giải của kết quả xổ số thì người chơi sẽ mất toàn bộ số tiền đặt cược.

Trên cơ sở kết quả điều tra xác định như sau:

Tháng 12/2023, Nguyễn Thị Trang N1 đã 05 lần đánh bạc với Nông Thị N2, cụ thể: Ngày 07/12/2023 là 11.080.000 đồng; ngày 18/12/2023 là 5.465.000đ; ngày 19/12/2023 là 9.585.000đ; ngày 20/12/2023 là 5.140.000đồng và ngày 25/12/2023 là 14.210.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền đánh bạc của N1 và N2 là 45.480.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Sau khi nhận các số lô, số đề với Nông Thị N2 thì Nguyễn Thị Trang N1 chuyển toàn bộ số lô, đề cho một người tên C có số điện thoại 0395.735.046 (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) để hưởng phần trăm lợi nhuận. Đối với số đề, Nguyễn Thị T2 N1 nhận 80% trên tổng số tiền cược đề từ Nông Thị N2 rồi chuyển đi cho người khác 73% (N1 được hưởng lợi 7% trên tổng số cược đề trong ngày). Đối với số lô, N1 nhận với N2 là 23.000 đồng trên 1 điểm lô, sau đó chuyển đi 22.000 đồng (N1 được hưởng lợi 1.000đồng trên 1 điểm lô). Với số lần đánh bạc trên, Nông Thị N2 là người thắng cược và đã thu lợi bất chính số tiền 24.290.000 đồng (Hai mươi tư triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng), Nguyễn Thị Trang N1 thu lợi bất chính 1.320.000 đồng (*Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị Trang N1, Nông Thị N2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi của các bị can đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C lập hồ sơ, đề nghị truy tố về tội Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 11/CTr-VKSCB-P2 ngày 08/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Trang N1 và Nông Thị N2 về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày bản luận tội và nhận định hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội “*Đánh bạc*”, và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trang N1 từ 40 triệu đến 50 triệu đồng để nộp ngân sách Nhà nước;

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nông Thị N2 từ 40 triệu đến 50 triệu đồng để nộp ngân sách Nhà nước;

Truy thu số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Thị Trang N1 1.320.000đồng và Nông Thị N2 24.290.000đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu phát mại hai điện thoại di động là phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội để nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Trang N1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định; Bị cáo Nông Thị N2 là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH12 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

*Người bào chữa cho bị cáo Nông Thị N2 trình bày luận cứ:*

Nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo N2 trong quá trình điều tra và tại tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra bị cáo đã tự nguyện nộp một phần số tiền 5.000.000đ tại Cục THADS tỉnh C; ông nội của bị cáo là Nông Văn K được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Quá trình công tác bị cáo cũng được tặng Giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ nên được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Nông Thị N2 bằng hình phạt tiền mức thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị và

không áp dụng hình phạt bổ sung; Về xử lý vật chứng: xử lý theo quy định của pháp luật; Về án phí: bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí cho bị cáo N2;

Bị cáo Nông Thị N2 nhất trí quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung, không tranh luận với Viện kiểm sát.

Bị cáo Nguyễn Thị Trang N1 nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, nhất trí với quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý về tội danh, về xử lý vật chứng và án phí; mức hình phạt do Hội đồng xét xử xem xét.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để được áp dụng hình phạt tiền mức thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Trang N1 và Nông Thị N2 tại phiên tòa phù hợp với Bản tự khai, biên bản ghi lời khai các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ thu giữ được trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ chứng minh:

Trong tháng 12 năm 2023, lợi dụng việc buôn bán hàng tạp hóa tại gia đình và để có thêm thu nhập Nguyễn Thị Trang N1 đã 05 lần nhận số lô, số đề trái phép từ Nông Thị N2 với tổng số tiền là 45.480.000 đồng thông qua phần mềm tin nhắn Zalo trên điện thoại di động. Trong những lần đánh bạc trên Nguyễn Thị Trang N1 thu lợi bất chính được 1.320.000 đồng (Một triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng); Nông Thị N2 đã thu lợi bất chính 24.290.000 đồng (Hai mươi tư triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng),

Hành vi trên đây của các bị cáo Nguyễn Thị Trang N1 và Nông Thị N2 đã phạm vào tội “Đánh bạc”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

**“ Điều 321: Tội đánh bạc**

*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2. ...”

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng tội, không oan.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là ít nghiêm trọng, nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, mục đích, động cơ phạm tội là nhằm thu lợi bất chính. Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử là cần thiết.

[3] Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp là đồng phạm giản đơn cùng thực hiện hành vi phạm tội đánh bạc.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào.

- Tình tiết tăng nặng: cả 02 bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra các bị cáo đã nộp 5.000.000 đồng vào Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng để khắc phục một phần số tiền thu lợi bất chính nên được áp dụng hai tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo N1 có mẹ đẻ là bà Phạm Thị H được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước;

Bị cáo N2 có ông nội là Nông Văn K được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba vì đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước; Quá trình công tác bị cáo cũng được tặng giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ nên được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt: Mục đích của các bị cáo là tìm kiếm lợi nhuận từ hành vi đánh bạc, tại phiên tòa các bị cáo đều đề nghị được áp dụng hình phạt tiền, do đó Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo để tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

Truy thu số tiền do các bị cáo thu lợi bất chính mà có để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[6] Các vấn đề khác: Đối với số điện thoại 0395.735.046 theo lời khai của Nguyễn Thị Trang N1 đây là số điện thoại của đối tượng tên C mà N1 chuyển số lô, số đề cho sau khi nhận từ Nông Thị Na. Tuy nhiên, quá trình điều tra vẫn chưa có thông tin và tài liệu gì có liên quan, Cơ quan điều tra đã gửi Công văn tới Cơ quan chức năng yêu cầu cung cấp thông tin cá nhân nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời nên không đủ căn cứ để xử lý trong vụ án này. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, nếu đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

[7] Về hướng xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã thu giữ 02 (hai) chiếc điện thoại di động (đã qua sử dụng) của 02 bị cáo có liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách nhà nước

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo N2 là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ/UBTVQH12 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Bị cáo N1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố:

1. Về tội danh: Các bị cáo Nguyễn Thị Trang N1 và Nông Thị N2 phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị Trang N1

số tiền 45.000.000đồng (Bằng chữ: Bốn mươi năm triệu đồng chẵn) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; ; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 35 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nông Thị N2 số tiền 45.000.000đồng (Bằng chữ: Bốn mươi năm triệu đồng chẵn) để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước 02 (hai) điện thoại di động của các bị cáo:

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “*Điện thoại di động của Nguyễn Thị Trang N1, IPHONE 11 mặt lưng màu trắng*”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C;

+ 01 (một) phong bì niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “*Điện thoại di động SAMSUNG màu xanh của Nông Thị N2*”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và hình dấu màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

(Xác nhận toàn bộ các vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 69 ngày 13/3/2024).

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính của Nguyễn Thị Trang N1 1.320.000đồng và Nông Thị N2 24.290.000đồng do sử dụng đánh bạc để nộp ngân sách Nhà nước. (Xác nhận: Bị cáo Nguyễn Thị Trang N1 đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000127 ngày 27/02/2024; Bị cáo Nông Thị N2 đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000125 ngày 27/02/2024)

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị Trang N1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, bị cáo Nông Thị N2 là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Thị Trang N1 và Nông Thị N2 có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Thụ**